TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HSST
Ngày: 17 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Sự và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 20/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 03/4/2019, đối với bị cáo:

Bùi Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1967 tại xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Đội 2 (nay là thôn đội 2), xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Trần Thị Th (đã chết); Vợ: Trần Thị Hoa; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 437 ngày 30/3/2001, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và giữ nguyên hình phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng theo bản án hình sự sơ thẩm số 68/HSST ngày 08/11/2000 của TAND tỉnh Hà Nam. Ngày 01/02/2005 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nhưng đến ngày 02/01/2019 mới chấp hành nộp tiền án phí và hình phạt bổ sung; bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/12/2018, chuyển tạm giam từ ngày 05/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Đội 2 (nay là thôn đội 2), xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ ngày 27/12/2018, tại đoạn đường nhựa thuộc Đội 8 (nay là thôn đội 5) xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam, tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Công an xã N phát hiện Bùi Văn T đang điều khiển xe mô tô BKS 90B1-

11380 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm về ma túy nên yêu cầu T dừng xe để kiểm tra. T đã tự giác giao nộp cho lực lượng công an 01 gói được gói ngoài bằng giấy báo có chữ màu đen, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là Heroine T cất giấu để sử dụng. Lực lượng Công an đã đưa Thành về trụ sở UBND xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng là 01 (một) gói được gói ngoài bằng giấy báo có chữ màu đen, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT và 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade màu đỏ - đen, BKS 90B1-11380.

Quá trình điều tra Bùi Văn T khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/12/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 90B1-11380 từ chỗ ở đến nhà đối tượng tên Th ở đội 8, xã N, huyện B để mua Heroine về sử dụng. Khi gặp Thắng, Th nói *"Bán cho tôi cái 200.000 đồng"* (ý T hỏi mua của Th 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng), Th đồng ý thì T đưa cho Th 200.000 đồng, Th nhận tiền và đưa cho T 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy báo có chữ màu đen, T cầm gói Heroine bỏ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Khi đi đến đoạn đường nhựa thuộc Đội 8, xã N, huyện B thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 222/PC09-MT ngày 29/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Mẫu bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu QT gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,209g (Không phẩy hai trăm linh chín gam) loại: Heroine.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 35 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; Xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung đối với bị cáo từ 01 đến 02 triệu đồng sung quỹ nhà nước; Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo được hoàn trả lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói mẫu vật; tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 90B1–11380, trả lại cho chị Trần Thị H chiếc xe, buộc chị H phải nộp sung quỹ Nhà nước trị giá ½ chiếc xe.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H trình bày: Chị là vợ của Bùi Văn T, sáng ngày 27/12/2018 T điều khiển xe mô tô Airblade BKS 90B1–11380 đi mua ma túy về sử dụng thì chị không biết, chị xác định chiếc xe này là do chị mua trong thời kỳ hôn nhân với bị cáo T bằng tiền vợ chồng tiết kiệm mà có. Chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

[3] Về tội danh: Hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, có khối lượng 0,209g loại: Heroine của bị cáo Bùi Văn T bị lực lượng Công an huyện Bình Lục phát hiện bắt quả tang vào hồi 07 giờ ngày 27/12/2018 tại đoạn đường nhựa thuộc Đội 8 (nay là thôn đội 5), xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, làm mất trật tự trị an tại địa bàn phạm tội. Bản thân bị cáo ngày 30/3/2001 đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương bị cáo không lấy đó làm bài học, tu chí làm ăn, sống có ích cho gia đình và xã hội mà lại nghiện ma túy và có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét bị cáo khai báo thành khẩn, là người có công với cách mạng nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 30/3/2001, bị cáo bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và giữ nguyên hình phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng theo bản án hình sự sơ thẩm số 68/HSST ngày 08/11/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Ngày 01/02/2005 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nhưng đến ngày 02/01/2019 bị cáo mới chấp hành nộp tiền án phí và hình phạt bổ sung. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng năng là *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội là người có công với cách mạng, do đã có thời gian phục vụ quân đội và trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, được hưởng chế độ chính sách theo Quyết định số 62/2011/QĐTTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại các điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang bị bệnh đái tháo đường đường và viêm khớp, sức

khỏe yếu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy tại biên bản xác minh ngày 25/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thì bị cáo có tài sản là 01 nhà hai tầng và đất tại thôn đội 2, xã N nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, song xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, hoàn cảnh khó khăn, hiện đang ốm đau nên Hội đồng xét xử chỉ cần tuyên phạt bị cáo mức phù hợp, phạt bị cáo 2.000.000đ sung quỹ nhà nước.

[7] Về vật chứng vụ án: Xét số ma túy loại Heroine được hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô Honda Airblade màu đỏ, BKS 90B1–11380 mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ, theo bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B có giá trị là 15.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T, khi bị cáo T dùng làm phương tiện đi mua ma túy thì chị Trần Thị H là vợ của bị cáo không biết. Do chị H đề nghị trả lại chiếc xe, nên Hội đồng xét xử tịch thu ½ giá trị chiếc xe để sung quỹ nhà nước, tương đương với số tiền 15.500.000đ : 2 = 7.750.000đ; trả lại cho chị Hoa chiếc xe mô tô BKS 90B1-113.80; buộc chị Hoa phải nộp số tiền 7.750.000đ sung quỹ nhà nước; tiếp tục tạm giữ chiếc xe để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo xác định số ma túy trên là do bị cáo mua của đối tượng tên Th ở đội 8 (nay là thôn đội 5), xã N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã triệu tập và lấy lời khai của Trần Minh Th, trú tại thôn đội 5, xã N nhưng Th không thừa nhận đã bán Heroine cho T. Ngoài lời khai của bị cáo thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác định đối tượng có liên quan để xử lý cũng không làm rõ được nguồn gốc số ma túy mà bị cáo cất giấu.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 27/12/2018).

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Văn T 2.000.000đ (hai triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy số ma túy loại Heroine trong phong bì niêm phong số 222/PC09-MT của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam. Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô Airblade BKS

90B1-113.80 để sung quỹ Nhà nước; buộc chị Trần Thị H nộp 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS 90B1-113.80 để sung quỹ Nhà nước. Trả chị Trần Thị H chiếc xe mô tô BKS 90B1-113.80, kèm theo 01 chìa khóa xe, nhưng cần tiếp tục tạm giữ chiếc xe để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

(Vật chứng được xác định tại biên bản giao nhận vật chứng hồi 14 giờ ngày 20/3/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- UBND xã N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán □ Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân